TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **22**/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 05/6/2019
Về việc "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

***Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Hương**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Lê Quang Thìn**
Ông **Nguyễn Thành Hạnh**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước*: Ông **Tạ Văn Phú** – Kiểm sát viên**.**

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST- HNGĐ ngày 17/5/2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 639, đường D20, khu phố T, phường Tân B, thành phố Đ, tỉnh B. (có mặt)

*Bị đơn: Anh Đỗ Phương A, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 8, ấp C, xã Đồng T, huyện Đ, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết Liên trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết L và anh Đỗ Phương A chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2014.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến khi chị L sinh cháu K vào giữa năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A ăn chơi: Đánh bài, bắn cá, không lo làm ăn, vun vén cho gia đình và hay ghen tuông vô cớ. Chị L đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh A vẫn không thay đổi mà thỉnh thoảng còn bỏ nhà đi một thời gian rồi quay về. Nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đỗ Phương A.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên là Đỗ Phương K, sinh ngày 20/7/2014. Khi ly hôn, chị L có yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Bị đơn anh Đỗ Phương A vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thâm nhân dân, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định

- Vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng thời hạn xét xử theo quy định.

- Về nội dung:

+Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Tuyết L đối với anh Đỗ Phương A.

+ Về con chung : Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Đỗ Phương K, sinh năm 2014 cho chị Lê Thị Tuyết L trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1.Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con chung với anh Đỗ Phương A và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền: Bị đơn là anh Đỗ Phương A cư trú tại tổ 8, ấp C, xã Đồng Ti, huyện Đ, tỉnh B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

3.Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao (niêm yết) Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định. Anh Đỗ Phương A vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Xét thấy, cần áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh An là có cơ sở.

4.Yêu cầu của đương sự:

[1] Chị Lê Thị Tuyết L và anh Đỗ Phương A chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2014. Xét thấy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, không có sự cảm thông chia sẻ những khó khăn xảy ra trong cuộc sống gia đình, không đồng nhất quan điểm sống, anh A ham chơi, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình và còn có hành vi bạo lực với chị L. Bản thân chị L và gia đình đã cố gắng thuyết phục anh A nhưng không có kết quả, hiện tại hai người đã sống ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh A cũng không tham gia mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, điều này chứng tỏ anh A cũng không có thiện chí cùng chị L đoàn tụ gia đình.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị L xin được ly hôn với anh Đỗ Phương A là có cơ sở được chấp nhận. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị Lê Thị Tuyết L được ly hôn với anh Đỗ Phương A là phù hợp.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị L và anh A có 01 con chung tên: Đỗ Phương Kh, sinh năm 2014. Khi ly hôn chị L yêu cầu Tòa án giải quyết được nuôi cháu K. Xét yêu cầu của chị L là có cơ sở cần được chấp nhận, bởi lẽ cháu K còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Mặt khác, chị L có công việc và có thu nhập ổn định đủ để nuôi con. Như đã phân tích ở trên, anh A không tham gia giải quyết vụ án chứng tỏ anh A cũng không có thiện chí trong việc nuôi con chung. Do vậy, căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Đỗ Phương K, sinh năm 2014 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3]Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viên kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

***1. Về hôn nhân*:** Tuyên xử cho chị Lê Thị Tuyết L được ly hôn với anh Đỗ Phương A.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị tuyết L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Phương K, sinh năm 2014 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng***)**, chị Lê Thị Tuyết L phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010749, quyển số 0215 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Đồng Phú;*
- *THA huyện Đồng Phú;*
- *UBND xã Đ*
(cqđkkh: số 16/2014);
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 05/6/2019 tại Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Hương**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Lê Quang Thìn**

Tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 47/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST- HNGĐ ngày 17/5/2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết Liên, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Số 639, đường D20, khu phố Tân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

*Bị đơn: Anh Đỗ Phương An, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Cầu 2, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

NỘI DUNG BIÊN BẢN

Sau khi xem xét, thảo luận các thành viên trong Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 như sau :

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

***1. Về hôn nhân*:** Tuyên xử cho chị Lê Thị Tuyết Liên được ly hôn với anh Đỗ Phương An.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị tuyết Liên trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Phương An, sinh năm 2014 cho đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng***)**, chị Lê Thị Tuyết Liên phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010749, quyển số 0215 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự

Biên bản kết thúc vào hồi giờ cùng ngày 05/6/2019, đã đọc lại và các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm Phán- Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm**

Nguyễn Thành Hạnh - Lê Quang Thìn **Nguyễn Thị Hương**